

Bản án số: 144 /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 25/9/2018
V/v: “Tranh chấp ly hôn,
nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ba.
2. Ông Nguyễn Văn Ngẫu

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đồng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số 448/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 156/2018/QĐST-HNGĐ ngày 6 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 1980. (có mặt)
 - Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1975. (vắng mặt)
- Đồng trú tại: Tổ 7, ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 5 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như lời khai tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày:

Chị và anh Phạm Văn T tự nguyện xây dựng gia đình với nhau vào năm 2002 có tổ chức lễ cưới, và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh T thường xuyên uống rượu về nhà gây sự đánh đập chị, không chăm lo cho cuộc sống gia đình. Đến tháng 5/2015, chị về nhà bố mẹ ở sống ly thân anh T đến nay, vợ chồng có gặp nhau nhưng không bàn bạc đoàn tụ. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Con chung: Có 02 cháu Phạm Thị Trúc M, sinh ngày 12/11/2003 và Phạm Thành Đ, sinh ngày 27/01/2010. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu nuôi dưỡng cả hai cháu yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Bị đơn anh Phạm Văn T đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không đến Tòa làm việc nên không ghi được lời khai và không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

Về tố tụng:

Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định Điều 70,72 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị L. Về con chung: giao hai cháu Phạm Thị Trúc M, sinh ngày 12/11/2003 và Phạm Thành Đ, sinh ngày 27/01/2010 cho chị L nuôi dưỡng, buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Về tài sản chung, nợ chung không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Về việc vắng mặt của đương sự: anh T không đến tham dự phiên tòa mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

[2]. Về công bố chứng cứ: Tất cả các chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được Tòa án thông báo, công bố tại các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và photo, thông báo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

-Về đường lối giải quyết vụ án:

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh T tự nguyện xây dựng gia đình với nhau vào năm 2002 có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai (số 133 ngày 25/12/2002) nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng tự sống ly thân đã lâu (từ tháng 5/2015 đến nay) mà không bàn bạc đoàn tụ được, chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L xử cho chị L được ly hôn anh T.

[3]. Về con chung: Có 02 cháu tên Phạm Thị Trúc M, sinh ngày 12/11/2003 và Phạm Thành Đ, sinh ngày 27/01/2010. Chị L yêu cầu được nuôi hai con sau ly hôn yêu cầu anh T phải cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Xét thấy, hiện hai cháu đều trên 7 tuổi, qua tham khảo ý kiến các cháu đều có nguyện vọng được sống với chị L, thời gian vợ chồng sống ly thân các cháu được chị L nuôi dưỡng tốt nên cần giao hai cháu M và Đ cho chị L nuôi dưỡng sau khi ly hôn theo nguyện vọng của các cháu là phù hợp Điều 81, 83 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam.

Chị L nuôi con yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Xét thấy, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị L là hoàn toàn chính đáng, anh T không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng để chị L nuôi con. Căn cứ vào thu nhập thực tế hiện tại của anh T là thợ hồ so với nhu cầu thiết yếu cho sinh hoạt hàng ngày của các cháu và giá cả thị trường hiện nay cần chấp nhận yêu cầu của chị L, buộc anh T cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 2.000.000 đồng là phù hợp Điều 82 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L khai không có, nên không xét.

[5] Về án phí: Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, anh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 131 Luật Hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014.

Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2000.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

- Về hôn nhân : Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Lê Thị L, xử cho chị Lê Thị L được ly hôn anh Phạm Văn T.

- Về con chung: Giao hai cháu Phạm Thị Trúc M, sinh ngày 12/11/2003 và Phạm Thành Đ, sinh ngày 27/01/2010 cho chị Lê Thị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Phạm Văn T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con được chấm dứt theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014.

Sau khi ly hôn, anh Phạm Văn T phải có nghĩa vụ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung; nợ chung: không xét.

2. Về án phí:

Chị Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 002383 ngày 18/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành. Chị L đã nộp đủ án phí.

Anh Phạm Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Chị Lê Thị L được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Văn T được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận :

- CCTHADS H. Long Thành;
- VKSND H. Long Thành;
- UBND X.Lộc An
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phụng